TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51 /2022/DS-PT
Ngày: 06 - 4 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Ông Lê Nguyên Khoa

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Có – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DSST ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2022/QĐPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim L.

Cư trú tại: Tổ 8, Khóm 5, phường Thành Ph, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:*

1. Chị Nguyễn Ngọc T.

2. Anh Nguyễn Văn S.

Cùng cư trú tại: Tổ 13, Khóm Thành C, thị trấn Tân Q, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Từ năm 2016 đến năm 2021, chị L có cho cho chị Nguyễn Ngọc T mượn tiền nhiều lần, không tính lãi suất, thời hạn mượn 03 năm (từ năm 2016 đến 2019), đến ngày 14/5/2021 chị T làm Giấy biên nhận mượn tiền với tổng số tiền 950.000.000 đồng tại Phòng Công chứng Số 2, mục đích vay tiền để phát triển kinh tế gia đình như mua đất, trả nợ, chơi hụi và chị T cam kết bắt đầu ngày 15/5/2021 chị sẽ trả cho chị L số tiền 10.000.000 đồng cho đến khi trả xong số tiền nợ. Đến hạn trả nợ chị T hứa hẹn nhiều lần nhưng đến nay mới trả được 15.000.000 đồng nên còn nợ là 935.000.000 đồng. Chị T mượn tiền thì anh Nguyễn Văn S chồng chị T biết nhiều lần anh S, chị T đến nhà chị L và biết việc vay mượn tiền, anh S đồng ý và sử dụng chung trong đó anh S trực tiếp hỏi mượn và nhận của chị 6.000.000 đồng.

Nay chị L yêu cầu chị T, anh S liên đới hoàn trả số tiền vay còn nợ bằng 935.000.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 16/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày:* Từ năm 2016 đến năm 2021, chị T thừa nhận nhiều lần mượn tiền chị L với tổng số tiền là 950.000.000 đồng (trong đó có số tiền anh S điện thoại hỏi mượn chị L 6.000.000 đồng). Đến năm 2021 chị mới viết biên nhận nợ theo yêu cầu chị L. Khi vay mượn tiền của chị L thì chị không thông báo cho anh S biết nhưng chị nói với chị L mục đích vay là để chi tiêu sinh hoạt trong nhà, chơi hụi, làm thủ tục nhà đất, trả nợ bên ngoài và nợ Ngân hàng.... Trong các lần vay tiền chị L giao tiền trực tiếp cho chị, chị nhờ anh S nhận 1 lần tiền nhưng anh S không biết tiền gì. Chị trả vốn chị L nhiều lần bằng số tiền 15.000.000 đồng nên còn nợ là 935.000.000 đồng.

Việc chị L cho rằng chị và anh S có đến nhà L mười mấy lần là không đúng. Trong số tiền 950.000.000 đồng thì có khoản 500.000.000 đồng tiền vốn, còn lại là tiền lãi vì chị nhờ chị L vay tiền của người khác. Số tiền mượn 6.000.000 đồng mà chị L hỏi mượn cho anh S thì anh S cũng nhờ L hỏi của người khác.

Theo yêu cầu khởi kiện của chị bà L, chị đồng ý trả số tiền còn nợ bằng 935.000.000 đồng, do khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng bằng 5.000.000 đồng.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/12/2021 bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh S quen biết chị L do chị L và chị T có thời gian làm chung ở bệnh viện, anh có chở chị T xuống nhà chị L để lấy tiền hụi. Anh có nhờ chị L vay tiền người khác 6.000.000 đồng để trả nợ cho chị T nhưng anh đã đưa tiền chị T để trả chị L. Còn việc chị T nhiều lần vay tiền và viết biên nhận nợ với chị L số tiền 950.000.000 đồng thì anh không hay biết, không sử dụng số tiền trên. Khi anh gặp chị L nhiều lần nhưng không nghe chị L báo về việc chị T vay tiền chị L.

Qua yêu cầu của chị L thì anh không đồng ý liên đới cùng chị T trả số tiền trên. Riêng số tiền 6.000.000 đồng anh vay chị L thì anh đồng ý trả chị L. Anh xin được vắng mặt khi Tòa án các cấp mời giải quyết vụ án do phải đi làm thuê.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 55/2022/DSST ngày 27 tháng 01 năm 2022 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số:11/2022/QĐ-SCBSBA Ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố dân sự năm 2015; Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L.

Buộc chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Kim L số tiền là 935.000.000 đồng (chín trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, tiền lãi trong trường hợp chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 07 tháng 02 năm 2022, bị đơn chị Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chị đồng ý trả tiền vốn vay cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng và lãi theo quy định.

Ngày 07 tháng 02 năm 2022, bị đơn anh Nguyễn Ngọc S có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý liên đới cùng chị T trả cho chị L số tiền 935.000.000 đồng. Lý do khi chị T vay mượn tiền anh không hay biết và không sử dụng số tiền trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị T đồng ý trả cho chị L số tiền vốn 500.000.000 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất ngân hàng và cho rằng số tiền chị nợ chị L, anh S không biết, không liên quan.

Chị L không đồng ý với kháng cáo của chị T, anh S. Số tiền 950.000.000 đồng chị cho anh S, chị T mượn nên yêu cầu hai người liên đới trả số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Ngọc T, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn S. Sửa bản án sơ thẩm.

Buộc chị T có trách nhiệm trả cho chị L số tiền 735.000.000 đồng. Buộc chị T, anh S có trách nhiệm liên đới trả cho chị L số tiền 200.000.000 đồng.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh S, chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh S.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Ngọc T thừa nhận giấy biên nhận mượn tiền lập ngày 14/5/2021 do chị ký với chị L, số tiền mượn là 950.000.000 đồng. Biên nhận có công chứng tại Phòng công chứng số 2 và chị T cam kết trả dần hằng tháng, mỗi tháng trả số tiền 10.000.000đồng, bắt đầu trả nợ từ ngày 15/5/2021 cho đến khi chị T trả xong hết nợ. Sau đó, chị T trả cho chị L số tiền 15.000.000 đồng và còn nợ 935.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm chị T xin trả dần số tiền nợ 935.000.000 đồng mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì biên nhận vay và lời thừa nhận của chị T tại cấp sơ thẩm là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định chị T nợ chị L số tiền 935.000.000 đồng là có căn cứ.

Xét chị T kháng cáo cho rằng chỉ nợ chị L số tiền vốn 500.000.000 đồng, còn lại số tiền 435.000.000 đồng là tiền lãi chị L tính nhập vốn. Chị L không thừa nhận. Ngoài lời trình bày chị T không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T.

[3] Anh S kháng cáo không đồng ý liên đới cùng chị T trả nợ cho chị L số tiền 935.000.000 đồng, lý do khi chị T vay mượn tiền anh không hay biết và anh không có sử dụng số tiền trên.

Xét nội dung biên nhận nợ ngày 14/5/2021 và theo chị T thừa nhận thì số tiền 935.000.000 đồng chị mượn của chị L nhiều lần từ năm 2016 đến năm 2019, mục đích mượn để trang trãi cuộc sống gia đình, nhận chuyển nhượng đất, chơi hụi, trả nợ. Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/12/2021 anh Nguyễn Văn S cũng thừa nhận anh có nhiều lần chở chị T đến nhà chị L để lấy tiền hụi và anh có điện thoại nhờ chị L vay tiền 6.000.000 đồng. Việc chi tiêu gia đình ăn uống gia đình, nuôi con chung do vợ chồng cùng lo chung. Anh đi làm thuê mướn không ở nhà thường xuyên nên anh không biết chị T có vay mượn tiền của chị L. Do đó, có căn cứ xác định việc chị T vay mượn tiền chị L thì anh S biết, không phải đối và mục đích vay mượn nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì các giao dịch do một bên vợ hoặc chồng thực hiện mà nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì giao dịch đó là nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên căn cứ nội dung đoạn ghi âm do chị L cung cấp nội dung cuộc nói chuyện giữa chị L, chị T thì anh S chỉ biết chị T nợ chị L hơn 100.000.000 đồng nên anh S chỉ có trách nhiệm liên đới cùng chị T trả cho chị L số tiền 200.000.000 đồng, còn lại số tiền nợ 735.000.000 đồng chị Tcó trách nhiệm cá nhân trả cho chị L. Xét nội dung các cuộc nói chuyện giữa chị T, chị L về việc chị T nợ tiền chị L thì anh S biết nhưng cả hai không nói rõ số tiền vay mượn. Do đó, Kiểm sát viên căn cứ vào đoạn ghi âm các cuộc nói chuyện giữa chị L, chị T để xác định anh S chỉ liên đới một phần tương đương số tiền vay mượn 200.000.000 đồng là không phù hợp với biên nhận vay và các lời thừa nhận khác của chị T, anh S nên không được chấp nhận.

Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L và buộc anh S liên đới cùng chị T trả cho chị L số tiền nợ vay 935.000.000 đồng là có cơ sở. Vì vậy, chị T, anh S kháng cáo yêu cầu anh S không có trách nhiệm liên đới cùng chị T trả cho chị L số tiền vay 935.000.000 đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí:

Anh S, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho chị L và phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 và Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 55/2022/DSST ngày 27 tháng 01 năm 2022 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số:11/2022/QĐ-SCBSBA Ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 463, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Văn S liên đới trả tiền vay.

Buộc chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Kim L số tiền vay 935.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khỏan 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Chị Nguyễn Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí 20.250.000 đồng theo biên lai số 13299 ngày 15 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long sẽ được hoàn trả cho chị L.

Chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 40.050.000 đồng và mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Số tiền 600.000 đồng anh S, chị T đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 13439, 13440 ngày 07 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long sẽ được khấu trừ. Sau khi khấu trừ buộc anh S, chị T nộp tiếp số tiền án phí là 40.050.000 đồng (bốn mươi triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H.BT: 01;
- VKSND H.BT: 01;
- Chi Cục THADS H.BT: 01;
- Đương sự: 03;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Nữ Phà Ca